

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (HOSE: BID) NGÂN HÀNG

NIM phục hồi hỗ trợ lợi nhuận Q2/26 tăng tốc – [Thấp hơn kỳ vọng]

- LNTT hợp nhất tăng 19.8% svck trong Q2/26 nhờ thu nhập lãi thuần (TNLT) cải thiện, chi phí hoạt động được kiểm soát và chi phí dự phòng giảm so với cùng kỳ.
- LNTT 6T26 đạt 18,905 tỷ đồng, tăng 17.9% svck, hoàn thành 42.2% dự phóng cả năm của chúng tôi và 44.6% so với kỳ vọng thị trường.
- KQKD Q2/26 cho thấy xu hướng cải thiện rõ hơn so với Q1/26, đặc biệt ở NIM và TNLT. Chúng tôi sẽ cập nhật lại dự phóng sau khi đánh giá thêm khả năng duy trì NIM và diễn biến chất lượng tài sản trong 2H26.

Tổng thu nhập hoạt động tăng nhờ thu nhập lãi thuần tiếp tục phục hồi

Tổng thu nhập hoạt động (TNHD) của BID tăng 7.0% svck trong Q2/26 và tăng 14.2% so với quý trước. Mức tăng này chủ yếu đến từ TNLT, tăng 18.8% svck trong khi thu nhập ngoài lãi (TNNL) giảm 17.8% svck xuống 5,834 tỷ đồng.

Diễn biến TNNL cho thấy sự phân hóa rõ giữa các nguồn thu. Thu nhập phí thuần vẫn duy trì tăng trưởng nhẹ 3.8% svck, nhờ mảng thanh toán và tài trợ thương mại tiếp tục đóng góp tích cực. Tuy nhiên, mức tăng này không đủ bù đắp cho sự suy giảm của các khoản thu mang tính thị trường. Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối giảm 47.8% svck, do biên lợi nhuận thu hẹp trong bối cảnh tỷ giá không có nhiều biến động trong Q2/26. Thu nhập từ bán chứng khoán đầu tư gần như không còn đóng góp đáng kể, chỉ đạt 17 tỷ đồng so với 798 tỷ đồng cùng kỳ, do nền Q2/25 cao và điều kiện thị trường trái phiếu kém thuận lợi hơn cho việc hiện thực hóa lợi nhuận. Nhìn chung, Q2/26 cho thấy hoạt động cốt lõi của BID đã cải thiện nhờ TNLT phục hồi, trong khi TNNL vẫn chưa phải là động lực chính do ngoại hối và chứng khoán đầu tư suy yếu.

Lợi suất cho vay tăng hỗ trợ NIM phục hồi

NIM đạt 2.12% trong Q2/26, tăng 0.22 điểm % so với Q1/26 và tăng nhẹ 0.04 điểm % svck. Theo ước tính của chúng tôi, lợi suất tài sản sinh lãi tăng lên mức 5.92% trong Q2/26, tăng khoảng 0.72 điểm % so với quý trước và 0.71 điểm % svck. Động lực chính đến từ lợi suất cho vay cải thiện, tăng khoảng 0.8 điểm % so với quý trước và 0.9 điểm % svck.

Ở chiều ngược lại, chi phí vốn cũng tăng, nhưng mức tăng thấp hơn lợi suất tài sản sinh lãi. Trong Q2/26, chi phí vốn tăng lên 4.03%, tăng khoảng 0.54 điểm % so với Q1/26 và 0.71 điểm % svck. Áp lực này chủ yếu đến từ chi phí tiền gửi cao hơn, khi lãi suất huy động tiền gửi của BID tăng từ khoảng 4.0% trong Q1/26 lên 4.6% trong Q2/26, tương ứng tăng khoảng 0.6 điểm % so với quý trước và 0.8 điểm % svck. Nhờ đó, NIM cải thiện chủ yếu do lợi suất cho vay tăng nhanh hơn chi phí đầu vào.

Chúng tôi cho rằng xu hướng này có thể tiếp tục hỗ trợ BID trong nửa cuối năm, khi một phần các khoản vay cũ, đặc biệt là cho vay mua nhà và các khoản vay trung dài hạn, tiếp tục được tái định giá theo mặt bằng lãi suất mới. Tuy nhiên, dư địa mở rộng NIM sẽ không quá mạnh do chi phí huy động vẫn chịu áp lực cạnh tranh và BID vẫn cần duy trì chính sách lãi suất phù hợp để hỗ trợ khách hàng.

Tín dụng tăng ổn định, tập trung vào khách hàng doanh nghiệp và các khoản vay dài hạn hơn

Tăng trưởng tín dụng của BID đạt 5.4% sv đầu năm, thấp hơn tăng trưởng toàn hệ thống nhưng vẫn phù hợp với định hướng tăng trưởng thận trọng của nhóm ngân hàng quốc doanh.

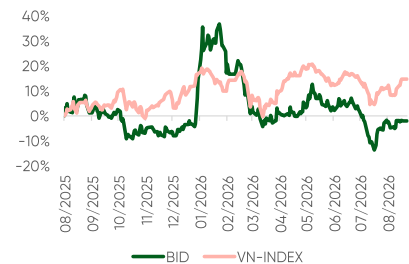
Giá hiện tại	VND36,400
Cao nhất 52 tuần	VND50.890
Thấp nhất 52 tuần	VND32.480
Giá mục tiêu	VND44,000
Tiềm năng tăng giá	21.0%
Tỷ suất cổ tức	1.2%

Vốn hóa (tỷ VND)	283,907
KLBQ 10 ngày (tr cp)	3.2
Số CP lưu hành (tr)	7,778.3
Số CP sau pha loãng (tr)	7,778.3

	BID	VNI
P/E trượt 12T	8.8x	12.6x
P/B hiện tại	1.5x	2.1x
ROAA	1.0%	2.7%
ROAE	18.0%	17.1%

*Dữ liệu ngày 07/09/2026

Diễn biến giá cổ phiếu



Thay đổi giá	1T	3T	12T
BID	2.6	-7.5	-8.1
VN-INDEX	4.3	1.2	9.2

Cơ cấu sở hữu

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	82.0%
KEB HANA Bank	15.2%
Khác	2.8%

Tổng quan doanh nghiệp

Tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam trực thuộc Bộ Tài chính, BID được thành lập năm 1957. BID bắt đầu hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần từ năm 2012 và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) từ năm 2014. Năm 2019, KEB Hana Bank từ Hàn Quốc chính thức trở thành cổ đông chiến lược của BID. BID đứng đầu hệ thống về tổng tài sản và sở hữu mạng lưới phủ khắp cả nước với 189 chi nhánh, khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành ngân hàng.

Chuyên viên phân tích

Hà Thu Hiền

hienht1@vpbanks.com.vn

Cơ cấu tín dụng cho thấy nhu cầu vay đến nhiều hơn từ nhóm khách hàng doanh nghiệp. Theo ngành, dư nợ cho vay dịch vụ tăng 20.4% sv đầu năm, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13.2%, trong khi dư nợ FDI tăng khoảng 36%. Đây là các nhóm có nhu cầu vốn lớn hơn khi hoạt động sản xuất, xuất khẩu và đầu tư được cải thiện. Theo kỳ hạn, dư nợ dài hạn tăng 6.4% sv đầu năm, cao hơn mức tăng 5.2% của ngắn hạn và 2.8% của trung hạn, cho thấy danh mục cho vay đang dịch chuyển sang các khoản vay có kỳ hạn dài hơn. Chúng tôi đánh giá xu hướng này tích cực đối với lợi suất tài sản sinh lãi, do các khoản vay trung dài hạn thường có lợi suất tốt hơn cho vay ngắn hạn. Tuy nhiên, điều này cũng đòi hỏi BID phải tiếp tục củng cố nguồn vốn trung dài hạn để cân đối kỳ hạn và giảm áp lực thanh khoản.

Huy động cải thiện, nhưng áp lực nguồn vốn vẫn hiện hữu

Ở chiều nguồn vốn, tiền gửi khách hàng cải thiện trong Q2/26 sau giai đoạn suy yếu trong Q1/26. Tiền gửi khách hàng tăng 1.7% sv đầu năm và 9.0% svck trong Q2/26. Tăng trưởng theo quý đạt 5.6%, giúp giảm bớt áp lực nguồn vốn sau khi tiền gửi khách hàng giảm trong Q1/26. Bên cạnh tiền gửi khách hàng, BID tiếp tục bổ sung nguồn vốn qua giấy tờ có giá. Trong 1H26, BID phát hành khoảng 9,041 tỷ đồng trái phiếu cấp 2, với kỳ hạn bình quân 8.77 năm và lãi suất bình quân 7.57%/năm. Việc bổ sung vốn trung dài hạn giúp BID cải thiện năng lực tài trợ các khoản vay kỳ hạn dài. Tuy nhiên, việc tăng huy động qua các nguồn vốn kỳ hạn dài cũng khiến chi phí vốn khó giảm nhanh. Do đó, chúng tôi cho rằng khả năng cải thiện NIM của BID sẽ phụ thuộc vào việc lợi suất cho vay có tiếp tục tăng đủ để bù đắp chi phí huy động cao hơn hay không.

Chất lượng tài sản cần theo dõi, dù chi phí tín dụng vẫn trong tầm kiểm soát

Tỷ lệ nợ xấu cuối Q2/26 của BID ở mức 1.83%, tăng 0.07 điểm % so với Q1/26 nhưng vẫn thấp hơn 0.15 điểm % svck. Trong khi đó, nợ nhóm 2 giảm xuống 1.22%, từ mức 1.34% trong Q1/26 và 1.54% cùng kỳ, cho thấy áp lực nợ tiềm ẩn chưa lan rộng. Tuy nhiên, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống 75.9%, từ mức 86.9% trong Q1/26 và 99.9% cuối 2025. Đây là mức thấp nhất kể từ năm 2019, cho thấy bộ đệm dự phòng đã mỏng hơn trong bối cảnh nợ xấu tăng. Chi phí dự phòng Q2/26 giảm 4.6% svck, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận trong quý. Nhìn chung, chất lượng tài sản của BID vẫn trong vùng kiểm soát, nhưng LLR giảm là điểm cần theo dõi trong 2H26.

Hình 1: KQKD của BID trong Q2/26

	Q2/25	Q2/26	6T25	6T26	% sv dự phóng VPBankS	% sv dự phóng thị trường
Thu nhập lãi thuần (svck)	1.0%	18.8%	2.0%	15.9%	41.7%	45.9%
Thu nhập ngoài lãi (svck)	31.8%	-17.8%	22.6%	-2.3%	35.0%	36.0%
Chi phí hoạt động (svck)	9.8%	1.6%	9.7%	6.3%	37.7%	40.1%
LN trước dự phòng (svck)	8.9%	9.7%	5.6%	13.1%	40.9%	44.5%
Chi phí dự phòng (svck)	13.8%	-4.6%	9.5%	6.0%	38.8%	44.4%
LNTT (svck)	5.7%	19.8%	3.1%	17.9%	42.2%	44.6%
Tăng trưởng cho vay (svck)	15.8%	14.8%	15.8%	14.8%		
Tăng trưởng huy động (svck)	14.8%	9.0%	14.8%	9.0%		
NIM (%)	2.08%	2.12%	2.04%	2.02%		
Lợi suất tài sản (%)	5.21%	5.92%	5.14%	5.57%		
Chi phí vốn (%)	3.32%	4.03%	3.28%	3.76%		
Tỷ lệ CASA	20.3%	20.6%	20.3%	20.6%		
CIR (%)	33.4%	31.7%	33.2%	31.8%		
ROAE (%)	17.5%	18.1%	17.5%	18.1%		
Tỷ lệ NPL (%)	1.98%	1.83%	1.98%	1.83%		
Nợ nhóm 2/Tổng dư nợ	1.54%	1.22%	1.54%	1.22%		
LLR (%)	89.1%	75.9%	89.1%	75.9%		

Nguồn: BID, VPBankS Research

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 21 và 25, VPBANK Tower, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: equityresearch@vpbanks.com.vn